TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày: 16/02/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

Ông Huỳnh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỷ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 158/2024/TLST-DS ngày 09/10/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-DS ngày 26/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-DS ngày 16/01/2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Nhã P, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Tổ E, Ô, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ cư trú: Số nhà A, Nguyễn Chí T, phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1985.*

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Văn bản ủy quyền ngày 23/8/2023.

2. Bị đơn: Bà Phan Phượng N, sinh năm 1990 và bà Ngô Thị N1, sinh năm 1954.

Địa chỉ: tổ D, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Tấn H, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Tổ E, Ô, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa -

Vũng Tàu.

Địa chỉ cư trú: Số nhà A, Nguyễn Chí T, phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1985.*

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Văn bản ủy quyền ngày 23/8/2023.

(Đại diện nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai có tại hồ sơ đại diện nguyên đơn bà L trình bày:***

Bà Trần Thị Nhã P và bà Phan Phượng N có mối quan hệ là bạn bè với nhau, do bà N hỏi vay tiền và hứa sau khi lo xong công việc sẽ trả nên bà P đồng ý cho bà N vay tiền. Do tin tưởng bà N và có mẹ ruột của bà N là bà Ngô Thị N1 đứng ra bảo lãnh và cam kết trả tiền cho bà N nên ngày 05/3/2022 bà P cho bà N vay số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Theo thỏa thuận giấy vay tiền thời hạn trả nợ là không quá 50 ngày kể từ ngày vay tiền, trường hợp bà N không trả được nợ thì bà N1 có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà N; hai bên không thỏa thuận tiền lãi trong giấy vay tiền.

Sau khi hết thời hạn thỏa thuận vay bà N và bà N1 không trả tiền cho bà P, đã nhiều lần bà P liên hệ với bà N và bà N1 để trả tiền nhưng không được.

Nay bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N và bà N1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) và lãi suất 10/%/năm tính từ ngày 24/4/2022 đến ngày xét xử là 181.388.800đ. Tổng số tiền nợ gốc yêu cầu bà N và bà N1 phải trả là 1.181.388.800đ.

**** Bị đơn trình bày:***

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà N đến Tòa án đã nhận trực tiếp thông báo thụ lý nhưng không trình bày lời khai, trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà N1 không đến Tòa làm việc, ngày 25/01/2024 Tòa án nhận được đơn trình bày của bà N1 với nội dung: Tôi không vay tiền của bà Trần Thị Nhã P. Trước đây tôi vay tiền thế chấp tài sản bên Ngân hàng T2 ở đường N - Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 3 tỷ 300 triệu đồng gồm 01 hồ sơ vay 01 tỷ đồng và 01 hồ sơ vay 2 tỷ 300 triệu đồng do bà Trần Thị Nhã P làm thủ tục hồ sơ vay thế chấp 02 tháng rưỡi. Tôi trả tất toán hết số tiền 3 tỷ 500 triệu đồng vày ngày 02/03/2022. Tôi không vay nữa vì vay bên ngân hàng bà Trần Thị Nhã P làm hồ sơ bắt buộc tôi phải mua bảo hiểm quá cao.

**** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L trình bày:***

Ông Lê Tấn H là chồng của bà Trần Thị Nhã P, nay bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N và bà N1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) và lãi suất 10/%/năm tính từ ngày 24/4/2022 đến ngày xét xử là 181.388.800đ. Tổng số tiền nợ gốc yêu cầu bà N và bà N1 phải trả là 1.181.388.800đ thì ông đồng ý.

**** Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*** Về thẩm quyền giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giải quyết là đúng thẩm quyền; Về xác định tư cách tố tụng là đúng; Thời hạn giải quyết đúng quy định; Hồ sơ gửi viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục tống đạt cho đương sự, niêm yết và thông báo công khai trên thông tin đại chúng đúng quy định; Xác minh thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Do yêu cầu của bà P được chấp nhận nên buộc bà N và bà N1 phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nhã P thì quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo địa chỉ trong đơn khởi kiện và căn cước công dân của bà N, bà N1 và tài liệu, chứng cứ thể hiện bà N và bà N1 đang sinh sống tại địa chỉ: ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tiền nợ gốc: Theo giấy vay tiền ngày 05/03/2022 do nguyên đơn cung cấp thể hiện số tiền vay là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), chữ ký và chữ viết bên

mượn tiền là Phan Phượng N, chữ ký và chữ viết bên bảo lãnh trả nợ trường hợp bà N không trả được tiền là Ngô Thị N1; bà N và bà N1 ghi đã nhận đủ số tiền 1.000.000.000đ. Do đo, cơ sở để xác định bà N và bà N1 có vay tiền của bà P là có thật. Bà N và bà N1 chưa thanh toán nợ gốc và lãi cho bà P, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng bị đơn vắng mặt, không thể hiện ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, căn cứ vào giấy mượn tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc cho nguyên đơn là số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

[2.2] Về tiền lãi: Theo giấy mượn tiền ngày 05/03/2022, các bên không thỏa thuận lãi nên xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lãi đối với nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn trả nợ (ngày 24/4/2022) là 10%/năm (0,833%/tháng) kể từ ngày 24/4/2022 đến ngày xét xử 16/02/2024 là 21 tháng 23 ngày cụ thể: 1.000.000.000đ x 0,833% tháng x 21 tháng 23 ngày = 181.388.800đ. Căn cứ quy định tạiĐiều 468, 470 Bộ luật Dân sự, Điều 5 Nghị quyết 01/2019/2019/NQ-HĐTPngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi, lãisuất, phạt vi phạm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi số tiền 181.388.800đ là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.3] Từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu của bà Trần Thị Nhã P yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Phượng N và bà Ngô Thị N1 phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Nhã P số tiền 1.181.388.800đ; trong đó số tiền nợ gốc 1.000.000.000đ và tiền lãi 181.388.800đ là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Trần Thị Nhã P được chấp nhận nên bà Phan Phượng N và bà Ngô Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 47.441.664đ.

Bà Trần Thị Nhã P được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 269; 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278; 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" giữa bà Trần Thị Nhã P với bà Phan Phượng N và bà Ngô Thị N1.

T1 buộc bà Phan Phượng N và bà Ngô Thị N1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Nhã P và ông Lê Tấn H số tiền là 1.181.388.800đ (một tỷ, một trăm tám mươi mốt triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm đồng). Trong đó số tiền nợ gốc 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) và tiền lãi 181.388.800đ (một trăm tám mươi mốt triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Phan Phượng N và bà Ngô Thị N1 phải chịu 47.441.664đ (bốn mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trần Thị N2 Phương tiền tạm ứng án phí là 25.245.000đ (hai mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005528 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuấn

Nơi nhận:
- VKSND H. Vĩnh Cửu;
-VKSND tỉnh ĐN;
- TAND tỉnh ĐN;
- THADS H. Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.